

THÔNG BÁO

V/v mua sắm thuốc biệt dược gốc cho nhà thuốc bệnh viện lần 2 năm 2026

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/04/2016 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Dược số 44/2024/QH15 ngày 21/11/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Dược;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/05/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2609/QĐ-BVĐKĐN ngày 28/09/2026 của Giám đốc bệnh viện Đa khoa Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp thuốc biệt dược gốc cho nhà thuốc bệnh viện lần 2 năm 2026;

Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp thuốc cho nhà thuốc bệnh viện theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên gói: Gói mua thuốc biệt dược gốc cho nhà thuốc bệnh viện lần 2 năm 2026.



2. Danh mục hàng hóa: Chi tiết đính kèm *phụ lục I*
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
6. Yêu cầu về đơn giá chào hàng: đã bao gồm các loại thuế, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bệnh viện.
7. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: từ ngày 29 tháng 09 năm 2026 đến hết ngày 09 tháng 10 năm 2026.
8. Cách thức tiếp nhận hồ sơ:
 - Nộp hồ sơ giấy có ký tên đóng dấu trực tiếp tại phòng Hành chính dược, Khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai.
 - Địa chỉ: Số 2, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai.
 - Người liên hệ: DS. Nguyễn Thị Hồng (SĐT: 0912232478).
 - Gửi file mềm bảng báo giá qua email: nhathuocbvdkdongnai@gmail.com
9. Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:
 - Bảng chào giá nhà thầu có ký tên của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu (Gửi file mềm bảng báo giá qua email: nhathuocbvdkdongnai@gmail.com) (Mẫu chào giá thuốc: *Phụ lục II*).
 - Tư cách pháp nhân của công ty: Hồ sơ pháp lý của nhà thầu (có thể hiện phạm vi kinh doanh).
 - Hồ sơ sản phẩm:
 - + Giấy phép lưu hành sản phẩm/quyết định gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam của Cục Quản lý Dược, bản sao thông tin nội dung hướng dẫn sử dụng của sản phẩm được đăng ký tại Cục Quản lý Dược.
 - + Đối với các mặt hàng nằm trong phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế: cung cấp kết quả trúng thầu tối thiểu trong vòng 12 tháng (tính tới thời điểm có kết quả lựa chọn nhà cung cấp (tháng 11/2026)) thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi cấp địa phương, cấp quốc gia và các cơ sở y tế hạng 1, hạng đặc biệt, các bệnh viện đồng cấp với bệnh viện Đa khoa Đồng Nai.

+ Đối với mặt hàng không nằm trong phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế:

- Kết quả trúng thầu tối thiểu trong vòng 12 tháng (tính tới thời điểm có kết quả lựa chọn nhà cung cấp (tháng 11/2026)) (ưu tiên các kết quả trúng thầu năm 2026) thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi.

- Nếu các mặt hàng không có kết quả trúng thầu thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi thì cung cấp hợp đồng cung ứng/hóa đơn bán hàng trong vòng 12 tháng tại 3 cơ sở y tế khác nhau.

- Cung cấp giá bán buôn dự kiến (đã bao gồm thuế VAT) đúng theo giá đã kê khai/công bố hoặc công bố lại đang có hiệu lực trên Cổng thông tin công khai giá thuốc của Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế, website: <https://dichvucong.dav.gov.vn/congbogiathuoc/index>.

- Đơn giá chào đã bao gồm thuế VAT, đảm bảo không vượt quá giá bán buôn dự kiến đã công bố/kê khai trên trang Dịch vụ công của Cục Quản lý Dược.

- Bản cam kết (Phụ lục III).

- Tất cả hồ sơ đóng thành quyển theo thứ tự nêu trên và phải sao y công chứng hoặc sao y công ty.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Khoa Dược.
(ChauHNN)





Phụ lục I DANH MỤC THUỐC CHÀO GIÁ

(Đính kèm Thông báo số 239/TB-BVĐKĐN ngày 23 tháng 09 năm 2026 của bệnh viện Đa khoa Đồng Nai)

STT	Mã số	Nhóm TCKT	Tên thương mại	Tên hoạt chất (thành phần thuốc)	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (VND)	Số lượng
1	BD01	BDG	Betaserc 24mg	Betahistine dihydrochloride	24mg	Uống	Viên nén	Viên	6.516	30.000
2	BD02	BDG	TRELEGY ELLIPTA	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umecclidinium (tương đương với 74,2mcg umecclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngậm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umecclidinium (tương đương với 65mcg umecclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenate)	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umecclidinium (tương đương với 74,2mcg umecclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngậm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umecclidinium (tương đương với 65mcg umecclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenate)	Hít qua miệng	Thuốc bột hít phân liều	Hộp	948.780	300
3	BD03	BDG	Zinnat tablets 500mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	22.130	50.000
4	BD04	BDG	Ibrance 75mg Cap 1x7's	Palbociclib 75mg	75mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	569.100	1.260
5	BD05	BDG	Keppra Tab 500mg 60's	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	16.918	12.000
6	BD06	BDG	Pulmicort Respules	Budesonide	500mcg/2ml	Hít/ Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Ống	13.834	2.500
7	BD07	BDG	Duspatalin Retard 200mg Capsules 3x10's	Mebeverine hydrochloride	200mg	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Viên	5.870	28.800
8	BD08	BDG	Harnal Ocas 0.4mg Tab 3x10's	Tamsulosin hydroclorid	0,4mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích chậm	Viên	14.700	7.000
9	BD09	BDG	Medrol	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	Viên	983	4.800
10	BD10	BDG	Lantus solostar	Insulin glargine	100 đơn vị/1ml	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Bút	257.145	800
11	BD11	BDG	Ibrance 100mg Cap 1x7's	Palbociclib	100mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	602.700	1.008
12	BD12	BDG	Ibrance 125mg Cap 1x7's	Palbociclib	125mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	659.400	2.520
13	BD13	BDG	Ketosteril Tab 100's	Acid (RS)-3- methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0mg; Acid 4-methyl-2- oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0mg; Acid 2- oxo-3- phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanin), muối calci 68,0mg; Acid 3-methyl-2- oxobutyric (α-ketoanalogue to valin), muối calci 86,0mg; Acid (RS)- 2-hydroxy-4-methylthiobutyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0mg; L- lysin acetat 105,0mg (tương đương với 75mg L-lysin); L-threonin 53,0mg; L- tryptophan 23,0mg; L-histidin 38,0mg; L- tyrosin 30,0mg	Acid (RS)-3- methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0mg; Acid 4-methyl-2- oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0mg; Acid 2- oxo-3- phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanin), muối calci 68,0mg; Acid 3-methyl-2- oxobutyric (α-ketoanalogue to valin), muối calci 86,0mg; Acid (RS)- 2-hydroxy-4-methylthiobutyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0mg; L-lysin acetat 105,0mg (tương đương với 75mg L-lysin); L-threonin 53,0mg; L- tryptophan 23,0mg; L-histidin 38,0mg; L-tyrosin 30,0mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	14.200	36.000

STT	Mã số	Nhóm TCKT	Tên thương mại	Tên hoạt chất (thành phần thuốc)	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (VND)	Số lượng
14	BD14	BDG	Lynparza	Olaparib	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.171.800	800
15	BD15	BDG	Exforge 5mg/80mg 2x14	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	5mg Amlodipine, 80mg Valsartan	Uống	Viên nén bao phim	Viên	9.987	78.000
16	BD16	BDG	Tavanic	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate 512,46 mg)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	36.550	3.000
17	BD17	BDG	Avodart Cap 0.5mg 3x10's	Dutasteride	0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	17.257	7.000
18	BD18	BDG	Diamicon MR Tab 30mg 60's	Gliclazide	30mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Viên	2.682	12.000
19	BD19	BDG	Remeron 30	Mirtazapin	30mg	Uống	viên nén bao phim	Viên	17.626	6.000
20	BD20	BDG	CONCOR COR TAB 2.5MG 3x10'S	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3.147	24.000
21	BD21	BDG	Forxiga Tab 10mg 2x14's	Dapagliflozin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	19.000	30.000
22	BD22	BDG	Elthon 50mg Tablets 2x10's	Itoprid hydrochlorid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	4.796	72.000
23	BD23	BDG	AUGMENTIN TABLET 1G 2x7S	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid clavulanic (dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	16.680	80.000
24	BD24	BDG	Medrol	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên nén	Viên	3.672	12.000
25	BD25	BDG	Ventolin Inh 100mcg 200Dose	Salbutamol (sulfat)	100mcg/liều xịt	Xịt theo đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình xịt	105.000	100
26	BD26	BDG	Tagrisso	Osimertinib (tương ứng 95,4mg Osimertinib mesylat)	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2.748.270	2.100
27	BD27	BDG	Femara	Letrozole	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	68.306	500
28	BD28	BDG	Fosmicin tablets 500	Fosfomycin calcium hydrate	500mg (potency)	Uống	Viên nén	Viên	21.900	10.000
29	BD29	BDG	Meiact 200mg	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	29.800	1.200
30	BD30	BDG	Ebastel 10 mg	Ebastine	10 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	15.000	9.600
31	BD31	BDG	Ebastel 20 mg	Ebastine	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	25.200	7.200
32	BD32	BDG	Cebrex	Cao khô lá Ginkgo biloba (Extractum Folium Ginkgo biloba Siccus) (35-67:1)	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	4.198	12.000
33	BD33	BDG	Cebrex S	Cao khô lá Ginkgo biloba (Extractum Folium Ginkgo biloba Siccus) (35 - 67:1) [được tiêu chuẩn hoá để đạt ginkgo flavon glycosid 19,2mg và terpen lacton (ginkgolid, bilobalid) 4,8mg] Dung môi chiết xuất: Aceton 60% (kl/kl)	80 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	8.400	12.000
34	BD34	BDG	Symbicort Rapihaler	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	Hít	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Bình	434.000	60
35	BD35	BDG	MIACALCIC 50IU/ML 1 MLx5'S	Calcitonin cá hồi tổng hợp	50IU/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	101.052	1.200

(Đính kèm Thông báo số 239 /TB-BVĐKĐN ngày 29 tháng 09 năm 2026 của bệnh viện Đa khoa Đồng Nai)

Số điện thoại liên hệ:.....

BẢNG CHÀO GIÁ THUỐC BIỆT ĐƯỢC GỐC CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN LẦN 2 NĂM 2026

Căn cứ thông báo số/TB-BVĐKĐN ngày....tháng 09 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai về việc mời chào giá đối với danh mục hàng hóa mua sắm tại Nhà thuốc bệnh viện.

Công ty chúng tôi xin được chào giá các mặt hàng sau:

[illegible]

Hiệu lực của báo giá: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày báo giá.

Tổng số mặt hàng:

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY



PHỤC LỤC III

(Đính kèm Thông báo số 239/TB-BVĐKĐN ngày 29 tháng 09 năm 2026 của bệnh viện Đa khoa Đồng Nai)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2026

GIẤY CAM KẾT

V/v cung cấp thuốc cho Nhà thuốc bệnh viện

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai,

Công ty:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Mã số thuế:.....

Công ty chúng tôi xin cam kết những điều dưới đây:

1. Cam kết thuốc được giao đủ số lượng và đúng yêu cầu từng chủng loại. Thuốc có tờ hướng dẫn bằng tiếng việt, nhãn thuốc tuân thủ theo quy chế nhãn, có số đăng ký, hạn dùng trên bao bì.
2. Thời gian cung cấp thuốc cho nhà thuốc bệnh viện không quá 48 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng (qua điện thoại, fax, hoặc văn bản).
3. Hạn dùng thuốc ứng với thời điểm cung cấp còn từ 06 tháng sử dụng trở lên, nếu hạn dùng thấp hơn công ty chúng tôi cam kết thu hồi nếu không sửa dụng hết.
4. Thuốc sau khi nhập vào nhà thuốc bệnh viện 6 tháng mà không được tiêu thụ hết, công ty chúng tôi sẽ nhận hàng về hình thức trả hàng hoặc mua lại. Trong trường hợp thuốc cận hoặc hết hạn sử dụng, công ty chúng tôi cam kết đổi lại sản phẩm mới cùng chủng loại hoặc nhận hàng về bằng hình thức trả hàng.
5. Chấp nhận thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.
6. Nếu mặt hàng thuốc có trong danh mục đấu thầu của Sở Y tế Đồng Nai: Giá thuốc bán cho nhà thuốc bệnh viện không được cao hơn giá thuốc trúng thầu cùng thời điểm.
7. Đối với thuốc không có trong danh mục trúng thầu của chính cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, giá bán cho nhà thuốc bệnh đa khoa Đồng Nai không cao hơn giá bán cho các cơ sở y tế khác.

8. Thông báo và thực hiện việc thu hồi thuốc không đảm bảo chất lượng mà nguyên nhân không phải do lỗi của bên mua hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

9. Thời gian thanh toán: chấp nhận thanh toán trong vòng 60 ngày tính từ ngày bên mua nhận đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật và thuộc trách nhiệm của bên bán.

10. Đảm bảo đơn giá cung ứng cố định trong thời gian thực hiện hợp đồng. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có thông báo giảm giá thì hai bên sẽ thực hiện phụ lục giảm giá cho số lượng còn lại trong hợp đồng. Nếu Bên mua phát hiện giá cung ứng cho đơn vị khác bất kỳ mà thấp hơn giá trong hợp đồng thì Bên bán sẽ phải giảm giá cho toàn bộ số lượng còn lại trong hợp đồng bằng phụ lục, đồng thời đền bù giá trị chênh lệch đã cung ứng trước đó tính từ thời điểm xuất hiện giá bán thấp hơn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp có nhà thầu khác trúng thầu thuốc cùng hoạt chất, nồng độ/hàm lượng, dạng bào chế, nhóm TCKT với giá thấp hơn, bệnh viện có thể đề nghị nhà thầu đàm phán giá để đảm bảo hiệu quả kinh tế trong quá trình mua sắm.

11. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

12. Cam kết các giấy chứng nhận thực hành tốt tùy theo từng loại hình kinh doanh còn hiệu lực đến hết thời hạn thực hiện hợp đồng. Nếu giấy phép hết hạn trước thời điểm này, cơ sở phải cung cấp tài liệu chứng minh đã nộp hồ sơ gia hạn hoặc duy trì đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định, cụ thể như sau:

- GSP (Thực hành tốt bảo quản thuốc): Đối với cơ sở nhập khẩu trực tiếp thuốc.
- GDP (Thực hành tốt phân phối thuốc): Đối với cơ sở bán buôn thuốc.
- GMP (Thực hành tốt sản xuất thuốc): Đối với cơ sở sản xuất thuốc.

13. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

14. Cam kết mọi tài liệu, thông tin do công ty chúng tôi cung cấp chính xác và trung thực.

Công ty chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và thực hiện đúng như cam kết trên. Cam kết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đại diện hợp pháp của công ty

(ký, ghi rõ họ tên)